HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67 /2016/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 18 tháng 7 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI
ĐẾN Số: 2858
Ngày: 27/7/2016
Chuyển: XDVB + LĐ
Lưu hồ sơ số:

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Luật phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Thông tư số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 9 năm 2013 của liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của liên bộ Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2016 của liên bộ Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của liên bộ Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 11/7/2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; trợ giúp xã hội đột xuất; hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

2. Đối tượng áp dụng: Đối tượng bảo trợ xã hội và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, gia đình, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

a) Mức chi trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng: Chi tiết tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Mức chi trợ giúp xã hội cho các đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội: Chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo Nghị quyết này.

Chế độ mai táng phí cho các đối tượng đang được chăm sóc nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội: Bằng 10 lần mức lương cơ sở/đối tượng.

c) Mức trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở cho những hộ bị ảnh hưởng thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức: 20.000.000 đồng/hộ.

Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức: 20.000.000 đồng/hộ.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức: 15.000.000 đồng/hộ.

4. Kinh phí thực hiện: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND,UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PT - TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Vịnh

Phụ lục 1

Mức trợ giúp hằng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng do xã, phường, thị trấn quản lý

(Kèm theo Nghị quyết số: 67/2016/NQ - HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Mức chuẩn 270.000 đồng

STT	Nhóm đối tượng	Hệ số	Thành tiền (1.000đ/ tháng)
I	**Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng:**		
1	**Trẻ em dưới 04 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:**		
a	Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi	2.5	675
b	Mồ côi cả cha và mẹ		
c	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật		
d	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
đ	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, sơ sở cai nghiện bắt buộc		
e	Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật		
g	Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
h	Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
i	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
k	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
l	Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
2	**Trẻ em từ 04 tuổi trở lên không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:**		
a	Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi		
b	Mồ côi cả cha và mẹ		

STT	Nhóm đối tượng	Hệ số	Thành tiền (1.000đ/ tháng)
c	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật	1.5	405
d	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại Cơ sở bảo trợ xã hội		
đ	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, sơ sở cai nghiện bắt buộc		
e	Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật		
g	Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
h	Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
i	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
k	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
l	Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
II	**Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất không có nguồn nuôi dưỡng:**	1.5	405
1	Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi		
2	Mồ côi cả cha và mẹ		
3	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật		
4	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại Cơ sở bảo trợ xã hội		
5	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, sơ sở cai nghiện bắt buộc		
6	Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật		
7	Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
8	Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		

STT	Nhóm đối tượng	Hệ số	Thành tiền (1.000đ/ tháng)
9	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang thường chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
10	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
11	Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
III	**Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác:**		
1	Dưới 04 tuổi	2.5	675
2	Từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi	2.0	540
3	Từ 16 tuổi trở lên	1.5	405
IV	**Người đơn thân thuộc hộ nghèo đang nuôi con**		
	Người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết; có chồng hoặc vợ mất tích theo qui định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất:		
1	Đang nuôi 01 con	1.0	270
2	Đang nuôi từ 02 con trở lên	2.0	540
V	**Người cao tuổi**		
1	Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ giúp xã hội hàng tháng:		
a	Từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi	1.5	405
b	Từ đủ 80 tuổi trở lên	2.0	540
2	Người từ đủ 80 tuổi trở lên (không thuộc diện tại khoản 1, mục V phụ lục này) mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ giúp xã hội hàng tháng	1.0	270
3	Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.	3.0	810

STT	Nhóm đối tượng	Hệ số	Thành tiền (1.000đ/ tháng)
VI	**Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật**		
1	**Người khuyết tật đặc biệt nặng:**		
a	Người khuyết tật đặc biệt nặng	2.0	540
b	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	2.5	675
c	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	2.5	675
2	**Người khuyết tật nặng**		
a	Người khuyết tật nặng	1.5	405
b	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	2.0	540
c	Người khuyết tật nặng là trẻ em	2.0	540
VII	**Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em thuộc các trường hợp qui định tại mục I:**		
1	Trẻ em dưới 4 tuổi	2.5	675
2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi; người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng	1.5	405
VIII	**Chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi:**		
1	Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi 01 con dưới 36 tháng tuổi	1.5	405
2	Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi	2.0	540
3	Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang nuôi từ 02 con trở lên dưới 36 tháng tuổi	2.0	540
IX	**Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng**	1.0	270
X	**Người đáp ứng điều kiện theo qui định của pháp luật khi nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng được hỗ trợ kinh phí chăm sóc:**		
1	Nhận nuôi dưỡng, chăm sóc 01 người khuyết tật đặc biệt nặng	1.5	405
2	Nhận nuôi dưỡng, chăm sóc từ 02 người khuyết tật đặc biệt nặng trở lên	3.0	810

Phụ lục 2

Mức trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội sống trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội

(Kèm theo Nghị quyết số: 67/2016/NQ - HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai)

Mức chuẩn 270.000 đồng

STT	Nhóm đối tượng	Hệ số	Thành tiền (1.000đ/ tháng)
I	**ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI CÓ HOÀN CẢNH ĐBKK**		
1	**Trẻ em dưới 04 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:**	5.5	1,485
a	Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi		
b	Mồ côi cả cha và mẹ		
c	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật		
d	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
đ	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
e	Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật		
g	Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
h	Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
i	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
k	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
l	Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
2	**Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 hoặc người từ đủ 60 tuổi trở lên không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây**		
a	Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi		
b	Mồ côi cả cha và mẹ		
c	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật		
d	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		

STT	Nhóm đối tượng	Hệ số	Thành tiền (1.000đ/ tháng)
đ	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc	5	1,350
e	Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật		
g	Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
h	Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
i	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
k	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
l	Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
3	**Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:**	4	1,080
a	Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi		
b	Mồ côi cả cha và mẹ		
c	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật		
d	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
đ	Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
e	Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật		
g	Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		
h	Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
i	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội		

STT	Nhóm đối tượng	Hệ số	Thành tiền (1.000đ/ tháng)
k	Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
l	Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc		
4	**Đối tượng tại Khoản 1 Mục I Phụ lục này từ 16 tuổi trở lên đang học các cấp học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học thì tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội cho đến khi tốt nghiệp văn bằng thứ nhất nhưng không quá 22 tuổi**	4.0	1,080
5	**Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác:**		
a	Trẻ em dưới 04 tuổi	5.5	1,485
b	Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người từ đủ 60 tuổi trở lên	5.0	1,350
c	Người từ 16 tuổi đến đủ 60 tuổi	4.0	1,080
6	**Người cao tuổi thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội theo quy định của pháp luật về người cao tuổi.**	5.0	1,350
7	**Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật:**		
a	Trẻ em dưới 04 tuổi	5.5	1,485
b	Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người từ đủ 60 tuổi trở lên	5.0	1,350
c	Người từ 16 tuổi đến đủ 60 tuổi	4.0	1,080
II	**ĐỐI TƯỢNG CẦN BẢO VỆ KHẨN CẤP** *(thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tối đa không quá 03 tháng; riêng đối tượng là nạn nhân bị buôn bán, thời gian hỗ trợ tối đa 60 ngày):*		
	Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú; đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:		
1	Trẻ em dưới 04 tuổi	5.5	1,485
2	Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người từ đủ 60 tuổi trở lên	5.0	1,350
3	Người từ 16 tuổi đến đủ 22 tuổi	4.0	1,080